

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024

Lần ban hành

: 01

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^(a)	TCVN 7878-2: 2010	35÷130 dBA

KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Ngoài khu vực sản xuất cách hàng rào 100m (khu dân cư phía sau) của Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	51,4
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55
2. Trong khu vực công nghệ của Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, có tọa độ X: 00441756; Y: 01156563	84,5
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vincerts 314)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024

Lần ban hành

: 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(Δ)	TCVN 5067:1995	17,0 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$
2	CO ^(Δ)	SOP-KK09/LAET	6.000 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$
3	SO ₂ ^(Δ)	TCVN 5971:1995	15,0 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$
4	NO ₂ ^(Δ)	TCVN 6137:2009	10,0 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$
5	Hydrocacbon ^(Δ)	NIOSH 1500	14,6 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	Hydrocacbon ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)
1. Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit, có tọa độ X: 00441820; Y: 01156402	128	7.159	71	77	KPH
2. Khu vực nhà dân cách nhà máy 100 m, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	104	6.147	64	69	KPH
3. Khu vực nhà dân cách nhà máy 200 m, có tọa độ X: 00441669; Y: 01156748	96	6.130	KPH	66	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	300	30.000	350	200	5.000

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vimcerts 077)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



CHẤM ĐÓC

CHẤM ĐÓC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024

Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường
1	Bụi (PM) ^(A)	US EPA Method 05
2	CO ^(A)	QTKT.02/LAET
3	SO ₂ ^(A)	QTKT.02/LAET
4	NO _x (tính theo NO ₂) ^(A)	QTKT.02/LAET
5	Hydrocarbons (THC) ^(A)	PD CEN/TS 13649:2014

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	THC
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1. Khí thải máy nén K 01A/B, có tọa độ X: 1156560; Y: 441754 (Đo tại nguồn thải)	16,1	17,1	KPH (LOD=2,62)	KPH (LOD=1,88)	KPH (LOD=0,02)
3. Khí thải máy nén K-02/03, có tọa độ X: 1156562; Y: 441755 (Đo tại nguồn thải)	15,8	7,98	KPH (LOD=2,62)	KPH (LOD=1,88)	KPH (LOD=0,02)
4. Khí thải Heater H-31A/B, có tọa độ X: 1156598; Y: 441749 (Đo tại nguồn thải)	17,9	6,84	KPH (LOD=2,62)	KPH (LOD=1,88)	KPH (LOD=0,02)
QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) QCVN 20:2009/BTNMT	200	1000	500	850	2.000

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vimcerts 077)

KPH: không phát hiện (<MDL)

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VỮNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải GPP (suối Tre), vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ độ 3° X=1156838,00 và Y=441486,00
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a)	-	6,52	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	30,9	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	90	TCVN 6625:2000
4	COD ^(a)	mg/L	78,0	3,0	135	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ ^(a)	mg/L	37,5	1,0	45	SMEWW 5210B:2017
6	Tổng N ^(a)	mg/L	15,6	2,0	36	TCVN 6638:2000
7	Tổng P ^(a)	mg/L	2,29	0,03	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	4,20	0,07	9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
9	Độ màu ^(a)	Pt-Co	42	8,0	150	SMEWW 2120C:2017
10	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH	0,001	0,45	TCVN 6216:1996
11	CN ⁻ ^(a)	mg/L	KPH	0,002	0,09	TCVN 6181:1996
12	F ⁻ ^(a)	mg/L	KPH	0,2	9	SMEWW 4500-F.B&D:2017
13	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,09	SMEWW 3500-Cr.B:2017
14	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	2,20	0,3	9	SMEWW 5520B&F:2017
15	Clo dư ^(a)	mg/L	0,1	0 ÷ 5,0	1,8	SMEWW 4500-Cl:2017
16	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
17	Fe ^(a)	mg/L	0,68	0,05	4,5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
18	As ^(Δ)	mg/L	KPH	0,002	0,09	SMEWW 3113.B:2017
19	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	0,001	0,009	SMEWW 3112.B:2017
20	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,002	0,45	SMEWW 3113.B:2017
21	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0002	0,09	SMEWW 3113.B:2017
22	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,02	2,7	SMEWW 3111.B:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
23	Cu ^(Δ)	mg/L	KPH	0,03	1,8	SMEWW 3111.B: 2017
24	Ni ^(Δ)	mg/L	KPH	0,02	0,45	SMEWW 3111.B:2017
25	Mn ^(Δ)	mg/L	0,03	0,03	0,9	SMEWW 3111.B:2017
26	Tổng Crôm (Cr) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,004	-	SMEWW 3113.B:2017
27	Cr (III) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,004	0,9	SMEWW 3113.B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017
28	DO ^(a)	mg/L	4,13	0 – 16	-	TCVN 7325:2016

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vimcerts 077)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu nhà điều hành
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,0°C)	-	7,07	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS ^(a)	mg/L	22,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	27,0	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
4	TDS ^(a)	mg/L	247	0÷1.999	1.000	HD-QT-16
5	S ²⁻ (a)	mg/L	0,43	0,07	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	5,32	0,07	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	11,3	0,12	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(a)	mg/L	0,59	0,03	10	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,40	0,3	20	SMEWW 5520B&F:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	0,17	0,03	10	SMEWW 5540B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100ml	3.800	2	5.000	SMEWW 9221.B:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vincerts 314)

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại Nam Côn Sơn Terminal, vị trí lấy mẫu có tọa độ
X=1156389,00 và Y=441721,00
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)}	-	6,85	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	°C	30,0	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	90	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	24,7	1,0	45	SMEWW 5210B:2017
5	Tổng N ^(a)	mg/L	9,63	2,0	36	TCVN 6638:2000
6	Tổng P ^(a)	mg/L	0,63	0,03	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Fe ^(a)	mg/L	0,63	0,2	9	SMEWW 4500-F.B&D:2017
8	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	1,30	0,3	9	SMEWW 5520B&F:2017
9	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	0,001	0,009	SMEWW 3112.B:2017
10	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,002	0,45	SMEWW 3113.B:2017
11	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0002	0,09	SMEWW 3113.B:2017
12	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,02	2,7	SMEWW 3111.B:2017
13	Tổng Crôm (Cr) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,004	-	SMEWW 3113.B:2017
14	Ni ^(Δ)	mg/L	KPH	0,02	0,45	SMEWW 3111.B:2017
15	Mn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,03	0,9	SMEWW 3111.B:2017
16	DO ^(a)	mg/L	4,28	0 – 16	-	TCVN 7325:2016
17	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.700	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vimcerts 077)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Đất gần Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu có tọa độ
X=1156719,00 và Y=441600,00
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024 & 25/12/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 03: 2023/BTNMT Loại 3	Phương pháp phân tích
1	Cd ^(Δ)	mg/kg	KPH	0,030	60	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010B
2	Pb ^(Δ)	mg/kg	KPH	3,00	700	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
3	Zn ^(Δ)	mg/kg	KPH	3,00	2000	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Tổng Cr ^(Δ)	mg/kg	KPH	3	250	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
5	Hg ^(Δ)	mg/kg	KPH	0,06	60	US EPA Method 7471B
6	Hydrocarbon ^(Δ)	mg/kg	KPH	1,0	-	SOP-D22/LAET
7	Ni ^(b)	mg/kg	KPH	3,0	500	US EPA Method 3051A US EPA Method 7000B ^(P)
8	Fe ^(b)	mg/kg	3.878	-	-	US EPA Method 3051A; US EPA Method 7000B ^(P)
9	Mn ^(b)	mg/kg	22,12	-	-	US EPA Method 3051A; US EPA Method 7000B ^(P)

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vimcerts 077)

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Trầm tích tại Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156717,00 và Y=441601,00
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024 & 25/12/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
					Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Cd ^(A)	mg/kg	KPH	0,03	3,5	4,2	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
2	Pb ^(A)	mg/kg	KPH	3,0	91,3	112	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
3	Zn ^(A)	mg/kg	KPH	3,0	315	271	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Tổng Cr ^(A)	mg/kg	KPH	3,0	90	160	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
5	Hg ^(A)	mg/kg	KPH	0,06	0,5	0,7	US EPA Method 7471B
6	Fe ^(A)	mg/kg	170,19	3,0	20.000	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Ni ^(b)	mg/kg	3,201	3,0	-	-	US EPA Method 3051A US EPA Method 7010 (P)
8	Mn ^(b)	mg/kg	17,65	-	-	-	US EPA Method 3051A; US EPA Method 7000B(P)
9	Hydrocarbon ^(b)	mg/kg	KPH	0,015	100	100	US EPA Method 5021A; US EPA Method 8260D(P)

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường - Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Vinceris 077)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0011-12/24-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VỮNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Phiêu sinh
Ngày lấy mẫu : 25/12/2024
Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10500:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	THÔNG SỐ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM
1	Thực vật nổi (Phytoplankton) ^(b)	Xem trang sau	SMEWW 10200: 2017
2	Động vật nổi (Zooplankton) ^(b)	Xem trang sau	SMEWW 10200: 2017
3	Động vật đáy không xương cỡ lớn (Zoobenthos) ^(b)	Xem trang sau	SMEWW 10500: 2017

I. THÀNH PHẦN LOÀI VÀ MẬT ĐỘ THỰC VẬT NỔI

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (Tế bào/ L)
Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta		
1.	<i>Coscinodiscus subtilis</i>	0
2.	<i>Nitzschia acicularis</i>	20
3.		
Ngành tảo lục- Chlorophyta		
4.	<i>Closterium diana</i>	10
5.	<i>Closterium diana</i>	0
6.	<i>Pseudostaurastrum sp</i>	8
7.	<i>Straurodesmus dejectus</i>	5
Ngành Tảo Mắt- Euglenophyta		
8.	<i>Euglena acus</i>	5
Ngành khác		0
Tổng số mật độ (tế bào/ Lít)		48

II. THÀNH PHẦN LOÀI VÀ MẬT ĐỘ ĐỘNG VẬT NỔI

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
1.	LỚP BRACHIOPODA	0
2.	LỚP COPEPODA	0
3.	LỚP EUROTATORIA	0
4.	LỚP LOBOSA	0
5.	LỚP OLIGOTRICHEA	0
6.	LARVA	0
7.	LỚP KHÁC	0
8.	Tổng số mật độ (số cá thể/m ³)	0

III. THÀNH PHẦN LOÀI VÀ MẬT ĐỘ ĐỘNG VẬT ĐÁY

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
1.	LỚP GASTROPODA (CHÂN BỤNG)	0
2.	LỚP BIVALVIA (HAI MẢNH VỎ)	0

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



3.	LỚP MALACOSTRACA (GIÁP XÁC)	0
4.	LỚP PYLYCHAETA (GIUN NHIỀU TỐ)	0
5.	LỚP KHÁC	0
	Tổng số cá thể/m²	0

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn – Vimcerts 330)

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc